

[DỰ THẢO]

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ kính trình Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 10/01/2022 Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó tại điểm m khoản 9 Điều 152 của Nghị định quy định: *“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*; tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 9 Điều 152 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định: *“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”*

Ngày 25/05/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 31/2023/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 11/7/2023) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, trong đó tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư quy định: *“Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*.

Tại Điều 2 Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: *“Đối với nội dung chi và mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tại địa phương đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyết nghị về nội dung và mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tại địa phương, nhưng tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2025 và bảo đảm phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này.”*

Hiện nay, Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND thành phố Cần Thơ về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Sóc Trăng phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ về việc ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành

phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó có Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Với căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết **quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ** là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Đảm bảo việc xây dựng, ban hành Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định, thể hiện tính dân chủ, công khai, minh bạch.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Việc xây dựng văn bản trên được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất tại Nghị quyết số 226/NQ-TT ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc Ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết luật của Quốc Hội, nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, trong đó thống nhất danh mục Nghị quyết **quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ**. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan; tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định, sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định các nhiệm vụ chi và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, bao gồm: Quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến

đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học và một số nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường.

Quy định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết có 07 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

Điều 3. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường

Điều 4. Mức chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

a) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

“1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định các nhiệm vụ chi và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, bao gồm: Quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học và một số nhiệm vụ chi khác về tài nguyên môi trường.

b) Quy định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017

của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

b. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

“1. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cấp

a) Quản lý đất đai

- Điều tra, đánh giá đất đai theo định kỳ và theo chuyên đề;
- Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính;
- Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể của địa phương; lập bản đồ giá đất;
- Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có);
- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai.

b) Đo đạc và bản đồ

- Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý: thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;
- Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính.

c) Địa chất và khoáng sản

- Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn;
- Khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền;
- Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản.

d) Tài nguyên nước

- Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội , nguồn nước liên trên địa bàn; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội ;
- Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội , nguồn nước trên địa bàn;
- Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước;
- Xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi quản lý;

- Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước (khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất; thẩm định cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước; hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt); phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội ; xác định danh mục hồ, ao, không được san lấp;

- Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước.

đ) Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

- Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn của địa phương; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn;

- Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai trên địa bàn;

- Giám sát biến đổi khí hậu;

- Xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu.

e) Viễn thám

Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám (nếu có).

g) Đa dạng sinh học

Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về đa dạng sinh học của địa phương theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

h) Các nhiệm vụ chi khác

- Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên môi trường; thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường);

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có);

- Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong

công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế (nếu có);

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động kinh tế;

- Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);

- Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

- Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có).

2. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường xã, phường (gọi chung là cấp xã)

a) Địa chất và khoáng sản: bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn

b) Tài nguyên nước

Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước: thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại địa phương, thực hiện cấm mốc, quản lý, bảo vệ mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, tổ chức ứng phó, khắc phục ô nhiễm nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn.

3. Các nhiệm vụ chi khác của cấp và cấp xã về tài nguyên môi trường, lĩnh vực nào có nhiệm vụ chi khác mới được tính, không tính tất cả các nhiệm vụ chi khác.”

c. Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường

“1. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường cấp

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố.

b) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn ; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của ; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của .

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý theo Quy hoạch mạng lưới Quan trắc môi trường đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ);

xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của .

d) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của .

đ) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

e) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bán quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do quản lý (đối với dự án có tính chất chỉ sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại địa phương (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải).

- Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân .

g) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch hành động về bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn Hậu Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

h) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường địa phương; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của .

i) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của Ủy ban nhân dân ; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội). Nội dung hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân quy định.

k) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

l) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định.

m) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của địa phương và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

n) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của .

o) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, sao chép tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có).

p) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân quyết định.

q) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường.

r) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của .

3. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của cấp xã

a) Xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp xã.

b) Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) theo các nội dung được Ủy ban nhân dân cấp quy định.

c) Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển trên địa bàn.

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn cấp xã.

đ) Hỗ trợ công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, các nhân theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý.

e) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường.

g) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã.”

d. Mức chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

“1. Mức chi thực hiện nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Một số mức chi cụ thể quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này (*Đính kèm Phụ lục chi tiết*).”

e. Nguồn kinh phí thực hiện

“1. Hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

a) Sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Đối với các nhiệm vụ chi tài nguyên môi trường từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Hoạt động bảo vệ môi trường

Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.”

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Về nguồn lực tài chính: Sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Về nhân lực: Trong tổ chức thực hiện, giao nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương các đơn vị có liên quan để thực hiện các nội dung của Nghị quyết.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua: Trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại Kỳ họp cuối năm 2025.

Trên đây là Tờ trình về Nghị quyết quy định mức chi và phân định nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND thành phố;
- Thành viên UBND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở: NN&MT, TC;
- VP. UBND thành phố;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Chí Hùng